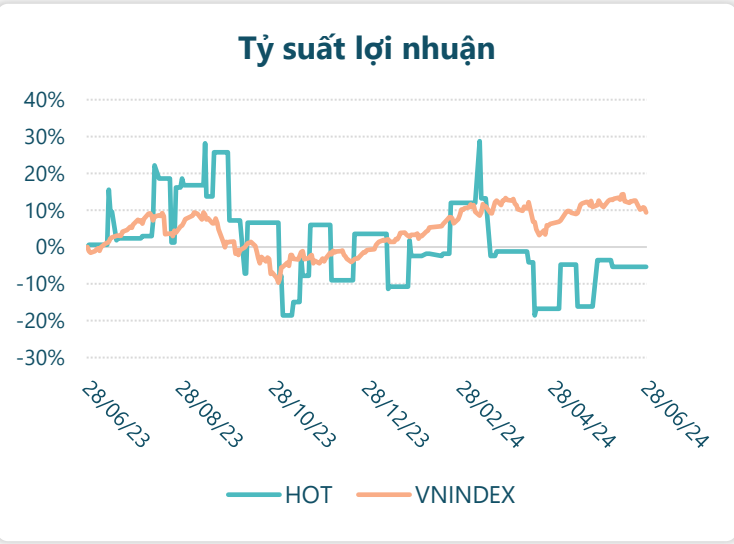


Ngày	15,800 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.9%	-4.2%	-8.7%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	13,600 - 21,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	126
Số lượng CPLH (CP)	7,999,937
KLGD BQ 20 phiên (CP)	40
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.22
EPS	1,090
P/E	14.5



Doanh thu thuần

Q2/24

34.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.00 | -2.8%

YoY: ▲ 7.90 | 30.2%

Nợ/VCSH

Q2/24

44.0%

YoY: +/-▼ 6.0%

LN gộp

Q2/24

8.20

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.20 | -21.1%

YoY: ▲ 1.49 | 22.2%

ROE (TTM)

Q2/24

19.1%

YoY: +/-▲ 0.8%

LN trước thuế

Q2/24

1.36

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.04 | -60.0%

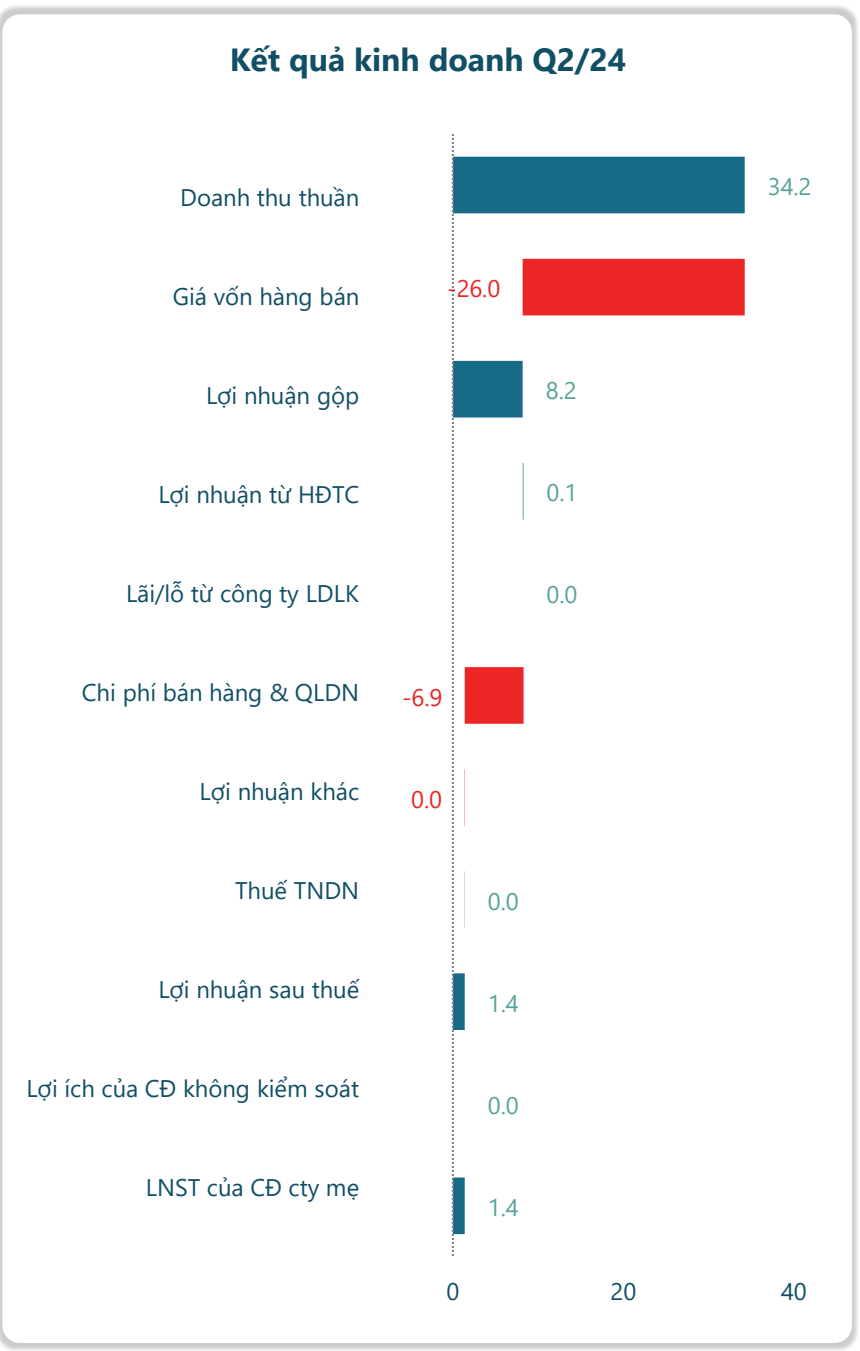
YoY: ▲ 0.63 | 86.5%

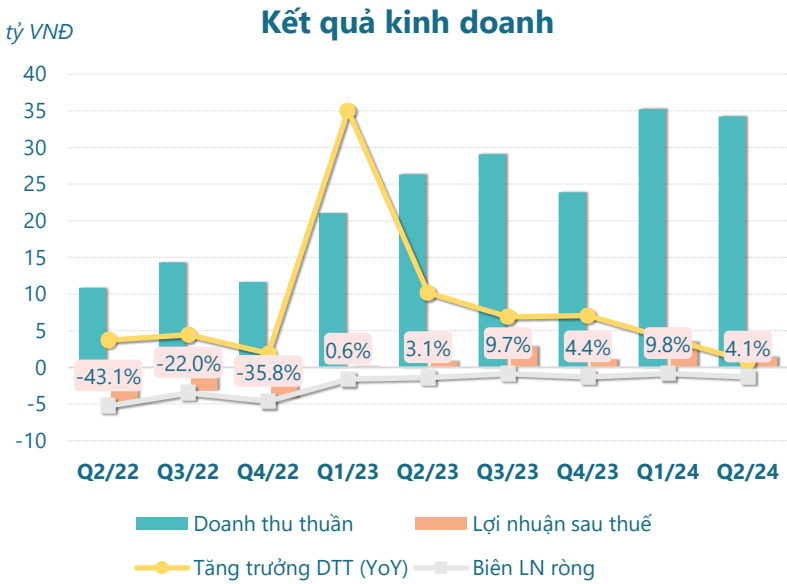
ROA (TTM)

Q2/24

12.5%

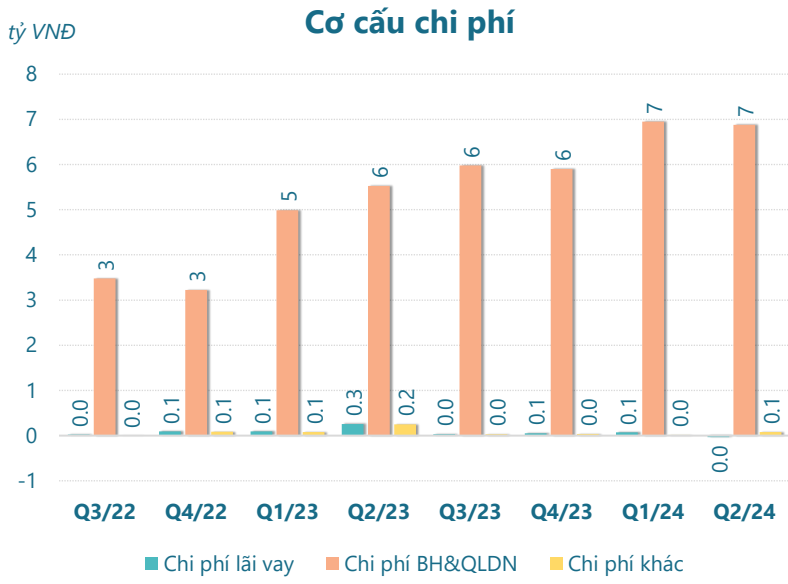
YoY: +/-▲ 0.9%





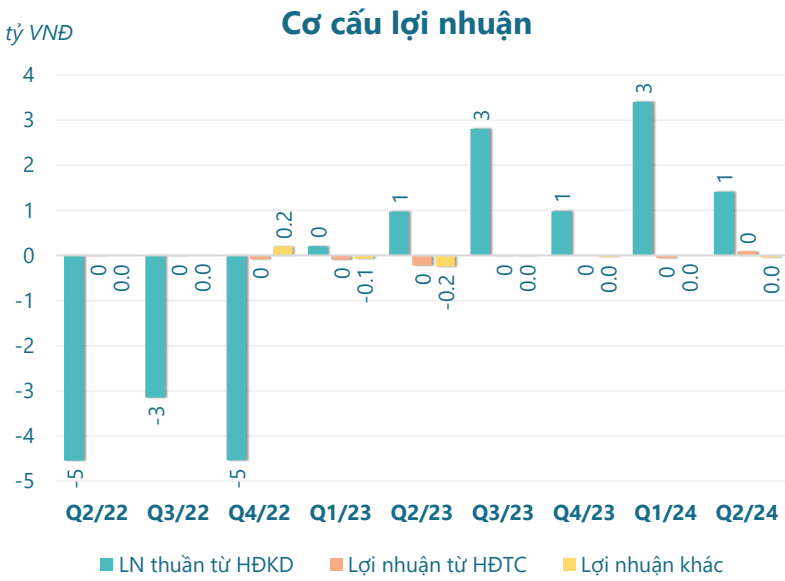
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 1.41 tỷ đồng**, giảm đi 58.5% so với kỳ trước và cao hơn 45.4% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 0.09 tỷ đồng**, tăng thêm 0.15 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 0.31 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.05 tỷ đồng** giảm đi 0.05 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 0.19 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **HOT** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **34.23 tỷ đồng** tăng thêm **30.2%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 1.40 tỷ đồng, tăng trưởng 70.7%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **69.00 tỷ đồng** cao hơn 46.8% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 5.00 tỷ đồng** cao hơn 400% so với cùng kỳ năm trước.



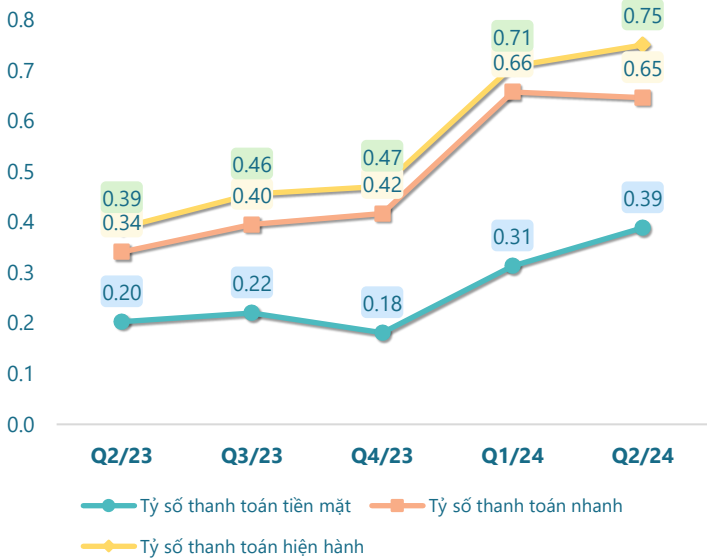
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **-0.03 tỷ đồng** giảm đi 143% so với kỳ trước và thấp hơn 112% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **6.88 tỷ đồng** giảm đi 1.01% so với kỳ trước và cao hơn 24.6% so với cùng kỳ năm trước.

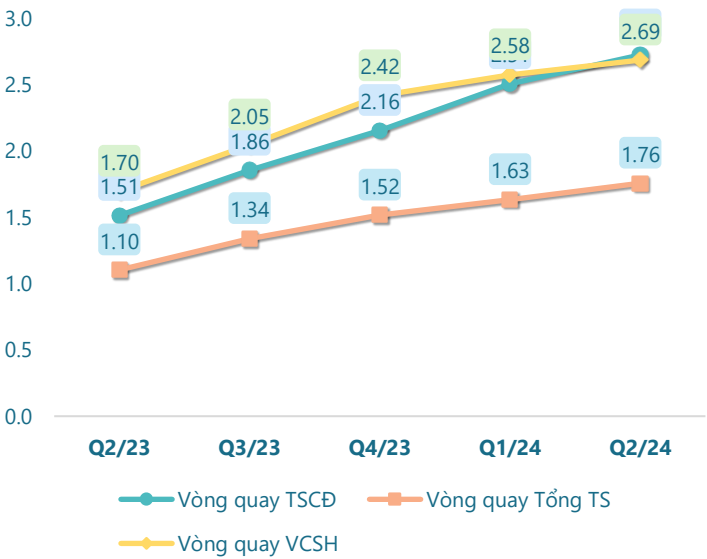
Chi phí khác bằng **0.08 tỷ đồng** tăng thêm 300% so với kỳ trước và thấp hơn 68.0% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	34.2	35.2	-2.8%	26.3	30.2%	69.4	47.4	46.6%
Giá vốn hàng bán	26.0	24.8	5.0%	19.6	32.8%	50.8	35.4	43.8%
Lợi nhuận gộp	8.20	10.4	-21.1%	6.71	22.2%	18.6	12.0	55.1%
Doanh thu HĐTC	0.06	0.02	184%	0.03	89.1%	0.07	0.04	90.8%
Chi phí TC	-0.03	0.07	-144%	0.26	-112%	0.04	0.36	-87.8%
Chi phí lãi vay	-0.03	0.07	-147%	0.25	-113%	0.04	0.35	-89.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	3.10	2.98	3.9%	2.34	32.3%	6.08	3.97	53.1%
Chi phí QLDN	3.78	3.97	-4.7%	3.18	19.0%	7.75	6.54	18.5%
LN thuần từ HĐKD	1.41	3.40	-58.6%	0.97	45.2%	4.81	1.17	311%
Lợi nhuận khác	-0.05	0.00		-0.24	80.4%	-0.05	-0.32	83.6%
LN trước thuế	1.36	3.40	-60.0%	0.73	86.5%	4.76	0.85	457%
Lợi nhuận sau thuế	1.40	3.45	-59.5%	0.82	70.3%	4.85	0.95	413%
LNST của CĐ cty mẹ	1.40	3.45	-59.5%	0.82	70.3%	4.85	0.95	413%

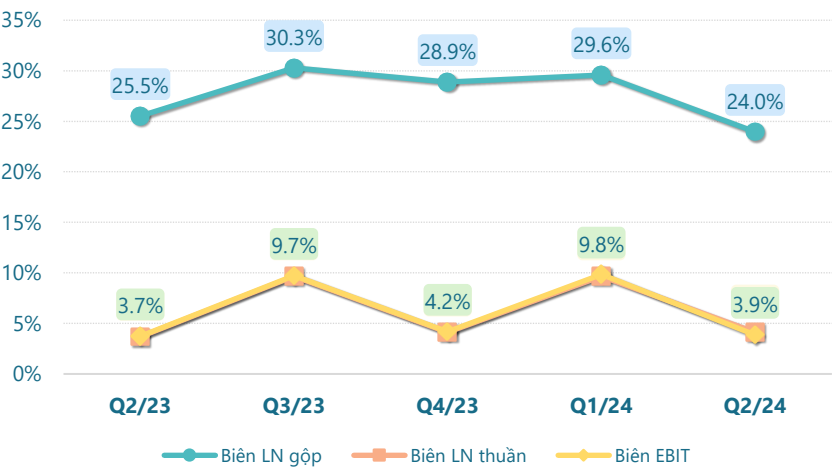
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi

